

**CHI TIẾT KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN KHU VỰC VII GIẢM TĂNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2018**(Kèm theo Báo cáo số 521 ngày 25 tháng 11 năm 2021)

| STT        | NỘI DUNG                                                | SỐ KIẾN NGHỊ          | SỐ THỰC HIỆN | Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện) | SỐ CHƯA THỰC HIỆN     | NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------|---------------------------------------------------------|-----------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| *          | <b>NSDP năm 2018</b>                                    | <b>39,435,934,704</b> | <b>-</b>     |                                                                           | <b>39,435,934,704</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>I</b>   | <b>Thuế TNDN</b>                                        | <b>38,459,902,929</b> | <b>-</b>     |                                                                           | <b>38,459,902,929</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|            | Công ty cổ phần cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang | 38,459,902,929        |              |                                                                           | 38,459,902,929        | Công ty chưa đồng ý với kết luận của KTNN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>II</b>  | <b>Giảm nộp thừa NSNN về thuế</b>                       | <b>23,498,367</b>     |              |                                                                           | <b>23,498,367</b>     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|            | Công ty cổ phần cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang | 23,498,367            |              |                                                                           | 23,498,367            | Công ty chưa đồng ý với kết luận của KTNN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>III</b> | <b>Tăng thu tiền hỗ trợ đất trồng lúa</b>               | <b>952,533,408</b>    | <b>-</b>     |                                                                           | <b>952,533,408</b>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1          | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thanh Hà                | 383,943,706           |              |                                                                           | 383,943,706           | Theo số liệu kiểm toán tính toán số phải thu là 1.314.654.336 đồng, tuy nhiên Cục thuế rà soát tính lại theo đúng quy định thì số phải nộp là 386tr, Các doanh nghiệp đã nộp 362.120.929 đồng (tại Báo cáo số 417/BC-STC ngày 13/10/2021 của Sở Tài chính Hà Giang), Do vậy số đơn vị còn phải theo dõi thu là 24.542.112 đồng, gồm (công ty TNHH Thanh Bình 14.853.888 đ, Công ty TNHH Vĩnh Hóa 9.688.224đ). Số liệu thông báo của Kiểm toán đang theo dõi số phải nộp là 957.175.336 đồng, biểu theo dõi của tỉnh 952.533.408 đồng, do KTNN tổng hợp thiếu chứng từ của Công ty điện lực Hà Giang 4.226.104 đồng); |
| 2          | Công ty cổ phần Thủy điện Sông miền 6                   | 290,143,512           |              |                                                                           | 290,143,512           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3          | Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Đại Phát             | 184,860,360           |              |                                                                           | 184,860,360           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4          | Công ty TNHH Thanh Bình                                 | 50,503,219            |              |                                                                           | 50,503,219            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5          | Công ty TNHH Vĩnh Hóa                                   | 32,939,962            |              |                                                                           | 32,939,962            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 6          | Công ty Điện lực Hà Giang                               | 10,142,650            |              |                                                                           | 10,142,650            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

**CHI TIẾT KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN KHU VỰC VII CÁC KHOẢN GIẢM CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018**

(Kèm theo Báo cáo số.....ngày.....tháng 11 năm 2021)

| STT      | NỘI DUNG                                                                 | Số kiến nghị         | Số đã thực hiện      | Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)                                                                         | Số chưa thực hiện  | Nguyên nhân chưa thực hiện |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------|
|          | <b>TỔNG CỘNG A + B</b>                                                   | <b>3,272,199,297</b> | <b>2,992,579,947</b> |                                                                                                                                                   | <b>279,619,350</b> |                            |
| <b>A</b> | <b>NSDP năm 2018</b>                                                     | <b>3,215,147,320</b> | <b>2,992,579,947</b> | <b>0</b>                                                                                                                                          | <b>222,567,373</b> |                            |
|          | Các khoản giảm chi ngân sách                                             | 3,215,147,320        | 2,992,579,947        |                                                                                                                                                   | 222,567,373        |                            |
|          | Giảm chi đầu tư xây dựng                                                 | 3,215,147,320        | 2,992,579,947        |                                                                                                                                                   | 222,567,373        |                            |
| <b>1</b> | <b>Thu hồi nộp NSNN</b>                                                  | <b>290,531,423</b>   | <b>277,035,061</b>   |                                                                                                                                                   | <b>13,496,362</b>  |                            |
| a        | Ban QDLA ĐTXD CT Dân dụng & Công nghiệp                                  | 6,480,509            | 6,480,509            |                                                                                                                                                   | 0                  |                            |
| -        | Dự án Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang | 6,480,509            | 6,480,509            | Tại biểu quyết toán A- B chủ đầu tư cũng đã thực hiện giảm trừ chi phí trên để trình hội đồng thẩm tra quyết toán. (có quyết toán A- B kèm theo). | 0                  |                            |
| b        | UBND huyện Xín Mần                                                       | 284,050,914          | 270,554,553          |                                                                                                                                                   | 13,496,362         |                            |
| -        | Kè chống sạt lở Ta Luy khu vực cửa khẩu mốc 5 Xín Mần                    | 284,050,914          | 270,554,553          | 0                                                                                                                                                 | 13,496,362         |                            |
|          | Chi phí xây dựng                                                         | 198,907,849          | 198,907,849          |                                                                                                                                                   | 0                  |                            |
|          | Tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC                                           | 71,646,703           | 71,646,703           |                                                                                                                                                   | 0                  |                            |



|          |                                                                                                                                                                          |                      |                      |                                           |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | Chi phí kiểm toán                                                                                                                                                        | 13,496,362           |                      |                                           | 13,496,362        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>2</b> | <b>Giảm thanh toán</b>                                                                                                                                                   | <b>46,140,600</b>    | <b>41,962,274</b>    |                                           | <b>4,178,326</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| a        | Huyện Quang Bình                                                                                                                                                         | 4,178,326            | 0                    |                                           | 4,178,326         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -        | Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (Đoạn QL 279 đến D13 theo quy hoạch)                                                                                   | 4,178,326            |                      |                                           | 4,178,326         | Đang lập điều chỉnh theo cắt giảm theo Quyết định 1194/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh và UBND huyện đã có tờ trình số 800/TTr-UBND ngày 10/11/2021 trình SGT vận tải thẩm định điều chỉnh dự án báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt để UBND huyện có cơ sở thực hiện quyết toán dự án theo đúng quy định. |
|          | Chi phí QLDA                                                                                                                                                             | 4,178,326            |                      |                                           | 4,178,326         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| b        | Ban QDLA ĐTXD CT Dân dụng & Công nghiệp                                                                                                                                  | 41,962,274           | 41,962,274           |                                           | 0                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -        | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 (DA03) thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê | 3,473,459            | 3,473,459            | Đã giảm trừ trong tổng dự toán điều chỉnh | 0                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|          | Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước (NCKT)                                                                                                                                | 3,473,459            | 3,473,459            |                                           | 0                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -        | Dự án Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang                                                                                                 | 38,488,815           | 38,488,815           | Đã giảm trừ có phụ lục chi tiết kèm theo  | 0                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|          | Khảo sát, lập dự án đầu tư                                                                                                                                               | 38,488,815           | 38,488,815           |                                           | 0                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>3</b> | <b>Giảm dự toán hợp đồng</b>                                                                                                                                             | <b>2,745,186,606</b> | <b>2,673,582,611</b> |                                           | <b>71,603,995</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| a        | UBND huyện Quang Bình                                                                                                                                                    | 71,603,995           | 0                    |                                           | 71,603,995        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -        | Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (Đoạn đến ối QL 279 đến D13 theo quy hoạch)                                                                            | 71,603,995           |                      |                                           | 71,603,995        | Đang lập điều chỉnh theo cắt giảm theo Quyết định 1194/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh và UBND huyện đã có tờ trình số 800/TTr-UBND ngày 10/11/2021 trình SGT vận tải thẩm định điều chỉnh dự án báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt để UBND huyện có cơ sở thực hiện                                      |
|          | Chi phí bảo hiểm                                                                                                                                                         | 69,725,127           |                      |                                           | 69,725,127        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|          | Lệ phí thẩm định dự án đầu tư                                                                                                                                            | 186,549              |                      |                                           | 186,549           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                               |               |               |                                                                                                                                                         |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Chi phí thẩm tra BVTC+dự toán                                                                                                                                                                                                                                 | 1,692,319     |               |                                                                                                                                                         | 1,692,319   | UBND huyện có cơ sở thực hiện quyết toán dự án theo đúng quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| b | Ban QDLA ĐTXD CT Dân dụng & Công nghiệp                                                                                                                                                                                                                       | 2,673,582,611 | 2,673,582,611 |                                                                                                                                                         | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| - | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 (DA03) thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê                                                                                      | 237,755,901   | 237,755,901   | Đã giảm trừ trong tổng dự toán điều chỉnh                                                                                                               | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|   | Chi phí QLDA                                                                                                                                                                                                                                                  | 237,755,901   | 237,755,901   |                                                                                                                                                         | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| - | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 2 (DA05): Nâng cấp cải tạo đường trục liên thôn Nậm Đầu - Lũng Càng - Lũng Hào xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang | 135,574,097   | 135,574,097   | Đã giảm trừ trong tổng dự toán điều chỉnh                                                                                                               | 0           | Giá trị giảm trừ thuộc chi phí QLDA của chủ đầu tư và những chi phí không sử dụng trong dự toán xây dựng sẽ cắt bỏ, chủ đầu tư sẽ thực hiện việc giảm trừ khi thực hiện điều chỉnh dự toán xây dựng và giảm trừ khi trình Sở tài chính thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Hiện nay có một số các dự án chưa thực hiện điều chỉnh và lập hồ sơ quyết toán hoàn thành do đó chủ đầu tư chủ đầu tư chưa thực hiện được. Đối với chi phí thuộc Dự án Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang là: 1.846.733.023 đồng. Hiện nay chủ đầu tư đang thực hiện lập hồ sơ quyết toán hoàn thành trình Sở tài chính Hà Giang thẩm tra thời gian dự kiến trong quý IV/2021. |
|   | Chi phí khảo sát thiết kế BVTC- dự toán                                                                                                                                                                                                                       | 1,646,610,609 | 1,646,610,609 | Đã giảm trừ có phụ lục hợp đồng chi tiết kèm theo                                                                                                       | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|   | Chi phí kiểm toán độc lập                                                                                                                                                                                                                                     | 200,122,413   | 200,122,413   | Tại biểu quyết toán A- B chủ đầu tư cũng đã thực hiện giảm trừ chi phí trên để trình hội đồng thẩm tra quyết toán. (có quyền quyết toán A- B kèm theo). | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| - | Xây dựng cấp bách cơ sở hạ tầng bảo vệ biên giới tại trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (giai đoạn I)                                                                                                                                        | 453,519,591   | 453,519,591   | Đã thực hiện giảm trừ theo Quyền Kết quả thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh.                                                                          | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|   | Chi phí QLDA                                                                                                                                                                                                                                                  | 57,104,608    | 57,104,608    |                                                                                                                                                         |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|   | Chi phí TKBVTC (bổ sung)                                                                                                                                                                                                                                      | 392,304       | 392,304       |                                                                                                                                                         |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|   | Chi phí giám sát (bổ sung)                                                                                                                                                                                                                                    | 5,119,999     | 5,119,999     |                                                                                                                                                         |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|   | Chi phí tài nguyên sử dụng đất để đắp                                                                                                                                                                                                                         | 390,902,680   | 390,902,680   |                                                                                                                                                         |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4 | Kiến nghị khác                                                                                                                                                                                                                                                | 133,288,690   | 0             |                                                                                                                                                         | 133,288,690 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|   | UBND huyện Xín Mần                                                                                                                                                                                                                                            | 133,288,690   | 3 0           | 0                                                                                                                                                       | 133,288,690 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

|          |                                                                                                                    |                   |          |  |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|--|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                                                                                    |                   |          |  |                   | Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần đã chỉ đạo và giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện đại diện chủ đầu tư đơn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm túc kiến nghị của KTNN. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện có văn bản (3 lần) gửi đến các nhà thầu thi công liên quan yêu cầu thực hiện nghiêm túc kiến nghị của KTNN. Tuy nhiên đến nay các đơn vị chưa thực hiện nộp trả theo kết luận kiểm toán nhà nước. |
| -        | Trường THPT xã Nà Chì huyện Xín Mần, HM: san ủi + đền bù GPMB + kê đá, bổ sung san nền kê Bê tông, rãnh thoát nước | 133,288,690       |          |  | 133,288,690       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|          | <i>Chi phí xây dựng</i>                                                                                            | 133,288,690       |          |  | 133,288,690       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>B</b> | <b>CHUYÊN ĐỀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2014-2018</b>                                        | <b>57,051,977</b> | <b>0</b> |  | <b>57,051,977</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>1</b> | <b>Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định</b>                                                                  | 29,114,950        | 0        |  | 29,114,950        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|          | UBND huyện Bắc Quang                                                                                               | 29,114,950        | 0        |  | 29,114,950        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|          | Trụ sở UBND xã Việt Vinh                                                                                           | 29,114,950        |          |  | 29,114,950        | <i>Nhà thầu chây ỳ không chịu nộp trả ngân sách nhà nước theo kiến nghị của KTNN, huyện sẽ thực hiện đơn đốc thu hồi rút điểm trong năm 2021.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|          | <i>Gói thầu xây lắp</i>                                                                                            | 29,114,950        | 0        |  | 29,114,950        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>2</b> | <b>Kiến nghị khác</b>                                                                                              | <b>27,937,027</b> | <b>0</b> |  | <b>27,937,027</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|          | Huyện Xín Mần                                                                                                      | 27,937,027        | 0        |  | 27,937,027        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| -        | Sửa chữa nhà làm việc các ban Đảng Huyện ủy huyện Xín Mần (Hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc + các hạng mục phụ trợ) | 8,176,246         | 0        |  | 8,176,246         | Công trình đang hoàn thành thủ tục quyết toán, thực hiện giảm trừ ngay khi quyết toán dự án.<br>Nguyên nhân: Do phát sinh khối lượng công trình đang thực hiện điều chỉnh lại tổng mức đầu tư, do đó chưa hoàn thành quyết toán.                                                                                                                                                                                   |
|          | <i>Chi phí thẩm tra PDQT</i>                                                                                       | 8,176,246         |          |  | 8,176,246         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| -        | Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 177-178 khu vực trung tâm huyện Xín Mần (giai đoạn I)                              | 19,760,781        | 0        |  | 19,760,781        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|          | <i>Chi phí thẩm tra PDQT</i>                                                                                       | 19,760,781        |          |  | 19,760,781        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |



## KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN TĂNG THU NSNN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 521.....ngày 25...tháng 11 năm 2021)

Đơn vị tính: Đồng

| TT         | Tên đơn vị                                         | Số kiến nghị       | Số đã thực hiện    | Số chứng từ đã thực hiện<br>(Ghi rõ số chứng từ, ngày,<br>tháng, năm thực hiện) | Số chưa thực hiện  | Nguyên nhân số kiến<br>nghị chưa thực hiện                                                                                | Ghi chú                           |
|------------|----------------------------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| *          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                   | <b>905,000,736</b> | <b>615,229,674</b> | -                                                                               | <b>292,027,755</b> |                                                                                                                           |                                   |
| <b>A</b>   | <b>Thuế GTGT</b>                                   | <b>521,406,234</b> | <b>319,301,128</b> | -                                                                               | <b>202,105,106</b> |                                                                                                                           |                                   |
| <b>I</b>   | <b>Văn phòng Cục Thuế</b>                          | <b>207,147,632</b> | <b>59,956,364</b>  | -                                                                               | <b>147,191,268</b> |                                                                                                                           |                                   |
| 1          | Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 9 | 66,095,812         |                    |                                                                                 | 66,095,812         | Đơn vị KK theo quý                                                                                                        |                                   |
| 2          | Công ty TNHH Phương Nam                            | 4,000,000          | 4,000,000          | Điều chỉnh tờ khai thuế Quý<br>3/2021                                           |                    |                                                                                                                           |                                   |
| 3          | Công ty TNHH MTV 459                               | 81,095,456         |                    |                                                                                 | 81,095,456         | Đơn vị KK theo quý                                                                                                        |                                   |
| 4          | Công ty TNHH Thanh Long                            | 55,956,364         | 55,956,364         | HGI1123213565223 ngày<br>29/10/2021                                             |                    |                                                                                                                           |                                   |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Bắc Quang</b>                             | <b>214,911,595</b> | <b>214,911,595</b> | -                                                                               | -                  |                                                                                                                           |                                   |
| 1          | Công TNHH MTV Thuận Linh HD                        | 129,487,082        | 129,487,082        | HGI1324210010163 ngày<br>28/10/2021                                             |                    |                                                                                                                           |                                   |
| 2          | Công ty TNHH Kỳ Nam                                | 85,424,513         | 85,424,513         |                                                                                 |                    |                                                                                                                           | Đơn vị bù trừ<br>số thuế nộp thừa |
| <b>III</b> | <b>Huyện Mèo Vạc</b>                               | <b>54,913,838</b>  | -                  | -                                                                               | <b>54,913,838</b>  |                                                                                                                           |                                   |
|            | Công Ty TNHH MTV Bình Minh 2                       | 54,913,838         |                    |                                                                                 | 54,913,838         | DN trình bày do ảnh<br>hưởng dịch bệnh Covid 19<br>dẫn đến khó khăn về tài<br>chính, đề nghị xin nộp vào<br>tháng 11/2021 |                                   |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Xín Mần</b>                               | <b>44,433,169</b>  | <b>44,433,169</b>  |                                                                                 | -                  |                                                                                                                           |                                   |
|            | Hợp tác xã Tân Mỹ                                  | 44,433,169         | 44,433,169         | HGI192221561540 ngày 2/11/2021                                                  |                    |                                                                                                                           |                                   |
| <b>B</b>   | <b>Thuế TNDN</b>                                   | <b>368,194,902</b> | <b>294,524,546</b> | -                                                                               | <b>75,927,049</b>  |                                                                                                                           |                                   |
| <b>I</b>   | <b>Văn phòng Cục Thuế</b>                          | <b>313,801,858</b> | <b>271,984,684</b> | -                                                                               | <b>41,817,174</b>  |                                                                                                                           |                                   |
| 1          | Công ty TNHH 307 Hà Giang                          | 268,851,128        | 268,851,128        |                                                                                 |                    |                                                                                                                           | Đơn vị bù trừ<br>số thuế nộp thừa |
| 2          | Công ty TNHH MTV 459                               | 14,094,129         |                    |                                                                                 | 14,094,129         | Do ảnh hưởng covid                                                                                                        |                                   |
| 3          | Công ty TNHH Thanh Long                            | 3,133,556          | 3,133,556          | HGI1123213865214 ngày<br>29/10/2021                                             |                    |                                                                                                                           |                                   |
| 4          | Công ty CP ĐT và PT Phương Đông                    | 27,723,045         |                    |                                                                                 | 27,723,045         | do bị ảnh hưởng covid                                                                                                     |                                   |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Bắc Quang</b>                             | <b>46,936,042</b>  | <b>15,082,860</b>  | -                                                                               | <b>31,853,182</b>  |                                                                                                                           |                                   |
| 1          | Công TNHH MTV Thuận Linh HD                        | 10,119,684         | 10,119,684         | HGI1324210010164 ngày<br>28/10/2021                                             |                    |                                                                                                                           |                                   |

|            |                                                    |                   |                  |                                   |                   |                                                                                                               |          |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------|------------------|-----------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 2          | Công ty TNHH Kỳ Nam                                | 4,963,176         | 4,963,176        | HGI1323213854279 ngày 29/10/2021  |                   |                                                                                                               |          |
| 3          | Công ty TNHH Quang Ngọc                            | 31,853,182        |                  |                                   | 31,853,182        |                                                                                                               |          |
| <b>III</b> | <b>Huyện Mèo Vạc</b>                               | <b>2,256,693</b>  | <b>2,256,693</b> |                                   | <b>2,256,693</b>  |                                                                                                               |          |
|            | Công Ty TNHH MTV Bình Minh 2                       | 2,256,693         |                  |                                   | 2,256,693         | DN trình bày do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 dẫn đến khó khăn về tài chính, đề nghị xin nộp vào tháng 11/2021 |          |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Xín Mần</b>                               | <b>5,200,308</b>  | <b>5,200,308</b> |                                   | -                 |                                                                                                               |          |
|            | Hợp tác xã Tân Mỹ                                  | 5,200,308         | 5,200,308        | HGI1922215612540 ngày 2/11/2021   |                   |                                                                                                               |          |
| <b>C</b>   | <b>Thuế Tài nguyên</b>                             | <b>1,684,800</b>  | -                | -                                 | <b>1,684,800</b>  |                                                                                                               |          |
| <b>I</b>   | <b>VP Cục thuế</b>                                 | <b>1,684,800</b>  | -                | -                                 | <b>1,684,800</b>  |                                                                                                               |          |
|            | Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 9 | 1,684,800         |                  |                                   | 1,684,800         | Do ảnh hưởng covid                                                                                            | Chưa nộp |
| <b>D</b>   | <b>Phí BVMT</b>                                    | <b>13,714,800</b> | <b>1,404,000</b> | -                                 | <b>12,310,800</b> |                                                                                                               |          |
| <b>I</b>   | <b>VP Cục thuế</b>                                 | <b>12,310,800</b> | -                | -                                 | <b>12,310,800</b> |                                                                                                               |          |
| 1          | Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng số 9 | 332,550           |                  |                                   | 332,550           | Do ảnh hưởng covid                                                                                            | Chưa nộp |
| 2          | Công ty CP ĐT và PT Phương Đông                    | 11,978,250        |                  |                                   | 11,978,250        | Do ảnh hưởng covid                                                                                            | Chưa nộp |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Xín Mần</b>                               | <b>1,404,000</b>  | <b>1,404,000</b> |                                   | -                 |                                                                                                               |          |
|            | Công ty Trách nhiệm hữu hạn 5999                   | 1,404,000         | 1,404,000        | NTDT2110290947088 ngày 29/10/2021 |                   |                                                                                                               |          |



**KIẾN NGHỊ KHÁC VỀ THU NSNN NĂM 2020**(Kèm theo Báo cáo số 52....ngày 25...tháng 11 năm 2021)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Tên đơn vị                                                              | Số kiến nghị   | Ghi chú, lý do                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số đã thực hiện | Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện) | Số chưa thực hiện | Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện                                      | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| I  | Thu tiền sử dụng đất                                                    | 25,836,769,102 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | -               | -                                                                         | 25,836,769,102    |                                                                              |         |
|    | Văn phòng Cục Thuế                                                      |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                 |                                                                           |                   |                                                                              |         |
|    | Tiền sử dụng đất năm 2020: Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý - Bắc Ninh. | 25,836,769,102 | Thông báo thiếu số tiền sử dụng đất phải nộp theo Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 79/2019/NĐ-CP) trên cơ sở: Quyết định số: 1081/QĐ – UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Hà Giang V/v chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý, Bắc Ninh để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Hà Sơn tại thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; Quyết định số: 2093/QĐ – UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh Hà Giang V/v: Phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất cho Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý, Bắc Ninh được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Hà Sơn tại thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 57/PCTĐC ngày 01/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Giang. |                 |                                                                           | 25,836,769,102    | Các cơ quan (Sở tài chính, Sở tài nguyên, Cục Thuế) đang phối hợp thực hiện. |         |



## KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 521...ngày 25...tháng 11 năm 2021)

Đơn vị tính: Đồng

| TT        | Chỉ tiêu/ Đơn vị                                    | Số kiến nghị          | Thuyết minh nguyên nhân                                                                                                    | Số đã thực hiện       | Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện)                | Số chưa thực hiện    | Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện | Ghi chú                                                                       |
|-----------|-----------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| *         | <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>16,125,068,912</b> |                                                                                                                            | <b>10,772,384,078</b> | <b>0</b>                                                                                 | <b>5,352,684,834</b> |                                         |                                                                               |
| <b>I</b>  | <b>Các khoản chi sai chế độ</b>                     | <b>375,134,298</b>    | <b>Kiến nghị thu hồi nộp NSNN</b>                                                                                          | <b>355,719,557</b>    |                                                                                          | <b>19,414,741</b>    |                                         |                                                                               |
|           | <b>Chi đầu tư</b>                                   | <b>375,134,298</b>    |                                                                                                                            | <b>355,719,557</b>    |                                                                                          | <b>19,414,741</b>    |                                         |                                                                               |
| 1         | Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT                    | 85,767,732            | Sai khối lượng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán                                | 85,767,732            |                                                                                          | 0                    |                                         |                                                                               |
| 2         | Ban quản lý các dự án cấp, thoát nước tỉnh Hà Giang | 124,262,681           | Sai khối lượng chi phí xây dựng của 02 dự án đã nghiệm thu thanh toán                                                      | 124,262,681           | Giấy nộp trả kinh phí số 01 ngày 11/11/2021; Giấy nộp trả kinh phí số 02 ngày 11/11/2021 | 0                    |                                         | Công ty TNHH Khánh Chi;<br>Công ty CP Contrexim 1;<br>Công ty TNHH Phương Anh |
| 3         | Sở Khoa học và Công nghệ                            | 15,333,984            | Sai khối lượng chi phí thẩm định thiết kế, dự toán bổ sung của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán                           | 15,333,984            | Giấy nộp trả kinh phí số 01/211115 ngày 15/11/2021                                       | 0                    |                                         |                                                                               |
| 4         | Huyện Mèo Vạc                                       | 88,949,424            | Sai khối lượng chi phí xây dựng của 04 dự án đã nghiệm thu thanh toán                                                      | 88,949,424            |                                                                                          | 0                    |                                         |                                                                               |
| 5         | Huyện Xín Mần                                       | 60,820,477            | Sai khối lượng chi phí xây dựng, chi phí thẩm định của 02 dự án, chi phí thẩm tra QT của 01 dự án đã nghiệm thu thanh toán | 41,405,736            |                                                                                          | 19,414,741           |                                         |                                                                               |
| <b>II</b> | <b>Giảm dự toán, thanh toán</b>                     | <b>11,073,610,557</b> |                                                                                                                            | <b>7,255,859,662</b>  |                                                                                          | <b>3,817,750,895</b> |                                         |                                                                               |
| <b>A</b>  | <b>Chi đầu tư</b>                                   | <b>2,141,674,548</b>  |                                                                                                                            | <b>1,844,268,292</b>  |                                                                                          | <b>297,406,256</b>   |                                         |                                                                               |
| 1         | Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT                    | 1,133,403,854         | Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 02 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán                                                  | 1,133,403,854         |                                                                                          | 0                    |                                         |                                                                               |

|          |                                 |                      |                                                                                                                                                                                   |                      |  |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|----------|---------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|          |                                 |                      |                                                                                                                                                                                   |                      |  |                      | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo Công ty Cổ phần Tư vấn địa chất Trung ương-Vinademon đơn vị thi công đã giảm trừ dự toán tính toán khối lượng chưa chính xác tại một số công tác như: Chặt cây làm đường, cốt thép móng tượng đài, lát đá khuôn viên sân vườn và đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình giai đoạn 1 gửi sở Tài chính thẩm định. |  |
| 2        | Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch | 158,025,965          | Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán                                                                                                         |                      |  | 158,025,965          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 3        | Sở Khoa học và Công nghệ        | 471,411,480          | Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 01 dự án; chi phí kiểm định chất lượng, lệ phí thẩm định dự án điều chỉnh tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán                           | 471,411,480          |  | 0                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 4        | Huyện Bắc Quang                 | 139,380,291          | Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 02 dự án, chi phí thẩm tra QT tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán                                                                       |                      |  | 139,380,291          | CT đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán nộp hội đồng thẩm tra quyết toán của huyện và điều chỉnh giảm giá trị quyết toán theo đúng kiến nghị.                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 5        | Huyện Mèo Vạc                   | 140,564,732          | Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 01 dự án, chi phí thẩm định thiết kế, dự toán tại 05 dự án, chi phí thẩm tra QT, chi phí lập BCKTKT tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán | 140,564,732          |  | 0                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 7        | Huyện Xín Mần                   | 98,888,226           | Sai khối lượng chi phí xây lắp tại 01 dự án, chi phí kiểm tra nghiệm thu tại 01 dự án đã nghiệm thu chưa thanh toán                                                               | 98,888,226           |  | 0                    | Phụ lục hợp đồng số 07/2021/PL/HĐ-XD ngày 28/07/2021, giá trị giảm trừ là 98.888.226 đ phụ lục hợp đồng số 07/2021/PL/HĐ-XD ngày 28/07/2021, giá trị giảm trừ là 98.888.226 đồng                                                                                                                                                                              |  |
| <b>B</b> | <b>Chi thường xuyên</b>         | <b>8,931,936,008</b> |                                                                                                                                                                                   | <b>5,411,591,370</b> |  | <b>3,520,344,638</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |



|          |                                                                 |                      |                                                                                                                                                                                                                                 |                      |  |                      |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | <b>Giảm trừ dự toán chi ngân sách nguồn cải cách tiền lương</b> | <b>8,931,936,008</b> | <b>Kiến nghị giảm trừ dự toán năm sau</b>                                                                                                                                                                                       | <b>5,411,591,370</b> |  | <b>3,520,344,638</b> |                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>1</b> | <b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>                                   | <b>156,261,720</b>   |                                                                                                                                                                                                                                 | <b>0</b>             |  | <b>156,261,720</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|          | Trường THPT Chuyên                                              | 72,331,400           | Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |                      |  | 72,331,400           |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|          | Trường THPT Lê Hồng Phong                                       | 62,934,640           | Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |                      |  | 62,934,640           | Đơn vị đề xuất UBND tỉnh đề đơn vị thực hiện giảm trừ vào dự toán năm 2022. Do đến thời điểm thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước vào tháng 8 năm 2021 nên dự toán năm 2021 đã giao và đang thực hiện do đó không giảm trừ vào dự toán năm 2021 được. |
|          | Trường THPT Ngọc Hà                                             | 4,493,600            | Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |                      |  | 4,493,600            |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|          | Trường THCS&THPT Phương Tiến                                    | 5,048,400            | Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |                      |  | 5,048,400            |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|          | Trường THCS&THPT Tùng Bá                                        | 11,453,680           | Sở Giáo dục và Đào tạo giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |                      |  | 11,453,680           |                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>2</b> | <b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>                   | <b>350,569,551</b>   |                                                                                                                                                                                                                                 | <b>0</b>             |  | <b>350,569,551</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|          | Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản             | 937,600              | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính. |                      |  | 937,600              | Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất giảm trừ dự toán nguồn KP CCTL vào dự toán ngân sách năm 2022                                                                                                                                                               |
|          | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật                           | 3,200,000            | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính. |                      |  | 3,200,000            | Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất giảm trừ dự toán nguồn KP CCTL vào dự toán ngân sách năm 2022                                                                                                                                                               |

|   |                                                |             |                                                                                                                                                                                                                                                  |             |                                                          |             |                                                                                                                                                                                                          |  |
|---|------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   | Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT               | 3,201,873   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |             |                                                          | 3,201,873   | Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất giảm trừ dự toán nguồn KP CCTL vào dự toán ngân sách năm 2022                                                                                                             |  |
|   | Chi cục Thủy lợi                               | 131,977,985 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |             |                                                          | 131,977,985 | Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất giảm trừ dự toán nguồn KP CCTL vào dự toán ngân sách năm 2022                                                                                                             |  |
|   | Trung tâm Thủy sản (Thu sản xuất cá giống)     | 3,644,594   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |             |                                                          | 3,644,594   | Đơn vị đề xuất UBND tỉnh xem xét cho đơn vị được sử dụng nguồn kinh phí để hoạt động tại đơn vị vì: từ năm 2021 đơn vị phải thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên theo QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 |  |
|   | Trung tâm KHKT giống cây trồng Đạo Đức         | 76,426,785  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |             |                                                          | 76,426,785  | Đơn vị đề xuất UBND tỉnh xem xét cho đơn vị được sử dụng nguồn kinh phí để hoạt động tại đơn vị vì: từ năm 2021 đơn vị phải thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên theo QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 |  |
|   | Trung tâm giống cây trồng và vật nuôi Phó Bảng | 131,180,714 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 theo quy định tại Mục 3, Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính.                  |             |                                                          | 131,180,714 | Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất giảm trừ dự toán nguồn KP CCTL vào dự toán ngân sách năm 2022                                                                                                             |  |
| 3 | Sở Y tế                                        | 754,132,720 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: Sở Y tế giảm trừ dự toán kinh phí chưa đủ số phải trích 40% CCTL bổ sung thêm từ nguồn thu năm 2020 số tiền 754,132trđ theo quy định tại Mục 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính. | 754,132,720 | Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh | 0           |                                                                                                                                                                                                          |  |



|   |                                 |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |               |                                                          |               |                                                                                               |
|---|---------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh          | 4,127,458,650 | Đơn vị thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang, theo đó biểu giá viện phí đã xác định bao gồm mức lương cơ sở 1,49trđ (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019). Tuy nhiên, NSNN vẫn cấp bổ sung kinh phí cải cách tiền lương cho đơn vị và nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị trích giảm trừ dự toán chưa đủ theo quy định tại mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính. | 4,127,458,650 | Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh | 0             |                                                                                               |
| 5 | Huyện Mèo Vạc                   | 530,000,000   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 530,000,000   |                                                          | 0             |                                                                                               |
|   | Trung tâm y tế huyện            | 290,000,000   | UBND huyện giảm trừ dự toán năm sau nguồn kinh phí thực hiện chế độ CCTL từ 35% viện phí theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán năm 2020                                                                                                                                                                                                                                                                         | 290,000,000   |                                                          | 0             |                                                                                               |
|   | Phòng Tài chính Kế hoạch        | 240,000,000   | Rà soát, giảm trừ dự toán chi ngân sách từ 40% nguồn học phí năm 2020 của các trường học chưa đủ theo quy định tại Mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020. (Chi tiết tại BBKT ngân sách huyện Mèo Vạc).                                                                                                                                                                                              | 240,000,000   |                                                          | 0             |                                                                                               |
| 6 | Huyện Xín Mần                   | 3,013,513,367 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0             |                                                          | 3,013,513,367 |                                                                                               |
|   | Phòng Tài chính Kế hoạch        | 500,030,000   | Rà soát, giảm trừ dự toán chi ngân sách từ 40% nguồn học phí năm 2020 của các trường học chưa đủ theo quy định tại Mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020. (Chi tiết tại BBKT ngân sách huyện Xín Mần).                                                                                                                                                                                              |               |                                                          | 500,030,000   |                                                                                               |
|   | Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần | 1,999,000,000 | Đơn vị thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang, theo đó biểu giá viện phí đã xác định bao gồm mức lương cơ sở 1,49trđ (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019). Tuy nhiên, NSNN vẫn cấp bổ sung kinh phí cải cách tiền lương cho đơn vị và nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị trích giảm trừ dự toán chưa đủ theo quy định tại mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính. |               |                                                          | 1,999,000,000 | UBND huyện đã giao cơ quan chuyên môn tính toán, giám dự toán các đơn vị thực hiện nguồn CCTL |

|            |                                           |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    |  |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|------------|-------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|            | Bệnh viện Đa khoa Nà Chi                  | 467,323,367        | Đơn vị thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang, theo đó biểu giá viện phí đã xác định bao gồm mức lương cơ sở 1,49trđ (Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019). Tuy nhiên, NSNN vẫn cấp bổ sung kinh phí cải cách tiền lương cho đơn vị và nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị trích giảm trừ dự toán chưa đủ theo quy định tại mục 3, Điều 4, Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính. |                    |  | 467,323,367        | năm 2021 theo đúng quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|            | Xã Nà Chi                                 | 47,160,000         | Xã Nà Chi chưa trích, giảm trừ dự toán chi ngân sách từ nguồn tăng thu ngân sách xã năm 2019 theo quy định tại Mục 3, Điều 4, Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                    |  | 47,160,000         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| <b>III</b> | <b>Nộp trả NSNN kinh phí thường xuyên</b> | <b>531,815,000</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>0</b>           |  | <b>531,815,000</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|            | Huyện Xín Mần                             | 531,815,000        | Trung tâm Y tế huyện: Đơn giá khám bệnh tại các trạm y tế xã, thị trấn đã kết cấu lương và chi phí trực tiếp theo Điều 3, Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 và Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 và theo điểm b, khoản 2, Điều 22, Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 18/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Giang. Tiền lương đã được NSNN cấp đủ 100%, phần tiền công thu từ khám chữa bệnh chưa nộp trả NSNN 532trđ.                                                                     |                    |  | 531,815,000        | Ngày 01/7/2021 kiểm toán Nhà nước ban hành Thông báo kết luận số 246/TB-KVX về thông báo kết quả kiểm toán tại huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang; do những tháng cuối năm, chi khác của đơn vị chi đáp ứng chi hoạt động thường xuyên, đơn vị xin lùi nộp trả, giảm trừ các khoản chi trong dự toán chi thường xuyên ngân sách trong tháng 01 năm 2022 |  |
| <b>IV</b>  | <b>Nộp trả ngân sách cấp trên</b>         | <b>808,242,518</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>808,242,518</b> |  | <b>0</b>           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|            | Nộp trả ngân sách trung ương              | 808,242,518        | Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 9, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 808,242,518        |  | 0                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|            | Sở Tài chính                              | 808,242,518        | Kinh phí trung ương bổ sung mục tiêu hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người DTTS 55trđ; Kinh phí trung ương bổ sung mục tiêu hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội 753trđ.                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 808,242,518        |  | 0                  | Đã thực hiện tại vb số 12258 ngày 26/10/2021 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |



|    |                                                    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |               |  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|----|----------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| V  | Giảm giá trị hợp đồng còn lại                      | 3,167,784,639 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,184,080,441 |  | 983,704,198 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|    | Chi đầu tư                                         | 3,167,784,639 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,184,080,441 |  | 983,704,198 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| 1  | Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT                   | 2,184,080,441 | Sai khối lượng hợp đồng xây dựng chưa thực hiện của 02 dự án đầu tư.                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2,184,080,441 |  | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| 2  | Huyện Mèo Vạc                                      | 983,704,198   | Sai khối lượng hợp đồng xây dựng, hợp đồng giám sát chưa thực hiện của 01 dự án đầu tư.                                                                                                                                                                                                                                               |               |  | 983,704,198 | Hiện tại dự án Kè chống sạt lở đường biên giới (Đoạn Mốc 483 đến Mốc 496) từ ngã ba Sủa Nhè Lừ, xã Xín Cái đi UBND xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc đang trong quá trình lập hồ sơ điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán. Huyện sẽ thực hiện giảm trừ giá trị hợp đồng khi thẩm định, phê duyệt điều chỉnh |  |
| VI | Thu hồi nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp | 168,481,900   | Kiến nghị thu hồi nộp NSNN                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 168,481,900   |  | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|    | Huyện Xín Mần                                      | 168,481,900   | Phòng Tài chính Kế hoạch: Kinh phí NSNN đầu tư cho các dự án phát triển nông lâm nghiệp phải thu hồi một phần nộp NSNN nhưng chưa thu nộp đủ theo quy định tại Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh và Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh. (Chi tiết tại BBKT ngân sách huyện Xín Mần). | 168,481,900   |  | 0           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |

**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KHÁC NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 521...ngày..25..tháng 11 năm 2021)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Chỉ tiêu/ Đơn vị                         | Số tiền              | Thuyết minh nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số đã thực hiện | Số chứng từ đã thực hiện (Ghi rõ số chứng từ, ngày, tháng, năm thực hiện) | Số chưa thực hiện    | Nguyên nhân số kiến nghị chưa thực hiện                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| *  | <b>TỔNG CỘNG</b>                         | <b>3,877,350,900</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>0</b>        |                                                                           | <b>3,877,350,900</b> |                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| I  | Hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán       | 3,084,450,900        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0               |                                                                           | 3,084,450,900        |                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|    | Chi đầu tư                               | 3,084,450,900        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0               |                                                                           | 3,084,450,900        |                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1  | BQL các DA cấp, thoát nước tỉnh Hà Giang | 3,034,450,900        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí xây lắp 2.261.059.500 đồng do Chủ đầu tư không điều chỉnh phát sinh giảm khối lượng đào đất nằm trong đơn giá tổng hợp của các công tác thi công của dự án khi điều chỉnh phát sinh tăng khối lượng đào phá đá.</li> <li>- Chi phí Thuế nhập khẩu 773.391.400 đồng do Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh hợp đồng khi chưa có ý kiến của người quyết định đầu tư, chưa có dự toán được duyệt</li> </ul> |                 |                                                                           | 3,034,450,900        |                                                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đang thực hiện và cập nhật vào báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh bổ sung theo Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 6/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án " Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hà Giang" vay vốn ODA của Chính phủ Đan Mạch; Văn bản số 3054/UBND-KTTH ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thực hiện Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;</li> <li>- Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh đã được Chủ đầu tư (BQLDA) trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt tại tờ trình số 96/TTr-BQLDA ngày 18/10/2021.</li> </ul> |
| 2  | Sở Khoa học và Công nghệ                 | 50,000,000           | Hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đủ điều kiện nghiệm thu tại 01 dự án: Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng 50.000.000 đồng do không lập dự toán chi tiết.                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |                                                                           | 50,000,000           | Nguyên nhân chưa lập dự toán chi tiết ban đầu, nên chưa đủ điều kiện nghiệm thu, thanh toán cho dự án. Do vậy, Sở Khoa học và Công nghệ không lập và trình phê duyệt dự toán chi phí nghiệm thu nữa, giảm thanh quyết toán, quyết toán. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |



| II | Xử lý kinh phí tạm ứng | 792,900,000 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0 |  | 792,900,000 |  |                                 |
|----|------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|-------------|--|---------------------------------|
|    | Huyện Mèo Vạc          | 792,900,000 | <p>Phòng Tài chính Kế hoạch:</p> <p>Kinh phí tạm ứng Dự án nước sinh hoạt Trung tâm thị trấn Mèo Vạc từ năm 2014 chưa thu hồi do sau khi thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư thì phải dừng Dự án. Tỉnh đã thu hồi vốn nguồn Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường (Công văn số 867/STC ngày 11/6/2014 của Sở Tài chính về việc thu hồi kinh phí), Huyện Mèo Vạc sử dụng nguồn ngân sách huyện tạm ứng cho bên nhà thầu từ năm 2014 chưa xử lý dứt điểm (hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán hoặc thu hồi tạm ứng).</p> |   |  | 792,900,000 |  | Huyện đang triển khai thực hiện |

